

nuôi người quân tử. Không có người quân tử thì không có ai để cai trị dân".

Trái lại có thể nói Khổng tử biết giá trị phụ nữ khi ông nói :

"Thuấn có năm người tôi giỏi mà thiên hạ được trị an. Vũ vương nói : "Ta có năm bầy tôi giỏi". Khổng tử nói :

- Tài năng khó tìm, đó chẳng phải là sự thật sao ? Trong đời Đường (đời Nghiêu), đời Ngu (đời Thuấn) thịnh trị như vậy, mà có một người đàn bà (đó là bà mẹ của Văn Vương) và chỉ chín người đàn ông mà thôi" (Chương VIII. Thái Bá).

Như vậy không thể nói Khổng tử coi nhẹ phụ nữ ngay trong tài trị nước.

Đời tôi đã nghe những lời chỉ trích Khổng tử như thế mà đành im lặng vì nói ra không tiện. Tôi trình bày ở đây những lời giải thích của tôi có bằng chứng rõ ràng để bác bỏ cho tiện.

## II. SỰ KHÚC XẠ CỦA KHỔNG HỌC, VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA NHO GIÁO

Xét về thực chất, Nho giáo không phải là một học thuyết do Khổng tử sáng lập. Các sách mà Khổng tử dùng để dạy các môn đệ như *Kinh Thi*, *Kinh Thư*, *Kinh Lễ* đều đã có từ trước, trong đó vai trò của Chu Công là hết sức quan trọng. Chế độ giáo dục đời Chu chủ trương dạy lục nghệ là : Lễ, nhạc, xạ (bắn tên), ngự (điều khiển

xe ngựa), thư (sách), và khoa học về các con số. Nó công phu và tốn kém nên chỉ dành cho quý tộc, khép kín trong những gia đình chuyên nghiệp với tính cách đặc biệt của Trung Hoa so với tất cả các nước. Nó sẽ cấp cho văn hoá Trung Quốc một tính chất quý tộc trở thành gần như đồng nghĩa với văn hoá Trung Hoa chính là do cách lựa chọn của Khổng tử. Sai lầm của Nho học từ đời Hán trở đi là lấy các kinh này làm nội dung của Khổng giáo. Không phải thế. Các kinh này là học vấn chung của Trung Hoa cổ đại. Trường phái nào cũng học, vậy không thể xem đó là của Nho giáo. Cái phần của Nho giáo là cách lý giải của Khổng tử về các kinh này. Qua "Luận ngữ", ta thấy Khổng tử dạy học trò "*Chớ nghĩ xằng bậy khi học Kinh thi*" tức là đừng tin vào những chuyện quỷ thần, trời và người giao tiếp với nhau cũng như chuyện trai gái hò hẹn nhau. Ông lại nói "*Chăm chỉ về điều dị đoan thì chỉ có hại thôi*". Ông lập nên trường phái mình không phải ở điểm dạy các kinh này mà ở điểm lý giải các kinh theo quan điểm của mình.

Sai lầm của Nho học đời sau là đồng nhất hóa các kinh này với Khổng học. "*Luận ngữ*" cho ta biết quan điểm của Khổng tử về "*Kinh Thi*" như sau :

*- Các con, tại sao các con không học "Kinh Thi"?. Kinh thi có thể làm người ta phấn khởi. Có thể giúp sự quan sát. Có thể giúp người ta quân tụ với nhau. Có thể giúp ta bộc lộ điều oán giận. Gần thì biết được cách thờ*

cha. Xa thì biết được cách thờ vua. Lại biết được nhiều tên chim muông" (Chương VII, Dương Hồ).

Đây mới thực là nội dung Khổng học qua "Kinh Thi". Cũng vậy khi nói đến "Kinh Lễ", nội dung ông dạy không phải chỉ là hiểu văn bản của "Kinh Lễ" :

"Khổng tử nói : "Người ta cứ bảo : Lễ nói, Lễ nói. Nhưng Lễ đâu phải chỉ là chuyện ngọc với lụa mà thôi ? Người ta cứ nói : Nhạc nói, Nhạc nói. Nhưng Nhạc đâu phải chỉ là chuông với trống mà thôi. ( Chương XVII. Dương Hồ).

Việc dạy Thi, Thư, Lễ, Nhạc không phải việc riêng của Khổng tử. Nhưng thời Chu cũng như sau này người ta chỉ biết có câu, chữ. Còn cách dạy của Khổng tử là qua lễ, nhạc, thi đạt đến một học thuyết liên quan tới tu thân. Tu thân theo quan niệm của Khổng học là có ý thức về nhân cách mình, trau dồi nhân cách, phát huy nó để lôi cuốn những người khác, dù có chịu nghèo khổ cũng không đổi vì ý thức giá trị của nó, chứ không phải xem cái cá nhân mình là hư hỏng mà vứt bỏ nó. Đi con đường chữ nghĩa thì "Quá tin sách không bằng không có sách" như lời Mạnh tử nói.

Ta biết ông học lễ, học nhạc rất công phu, hiểu về bản cung, điều khiển ngựa. Ông là người đầu tiên mở trường dạy tư cho con em quý tộc, chuyển cái học sang đạo đức, chính trị, và cấp cho nó tính nhất quán nhằm đào tạo con người cai trị cốt đem đến sự hòa mục trong

xã hội, chứ không phải nhằm mục đích quân sự hay bói toán.

Một triết học là phản ánh cụ thể những nguyện vọng của một giai đoạn cụ thể. Do đó, tất yếu triết học nào cũng không tránh khỏi những giới hạn lịch sử, cho nên bất cứ triết học nào cũng trải qua những thay đổi hết sức quan trọng trong một hoàn cảnh xã hội khác, điều mà tôi gọi là độ khúc xạ. Cái phần có giá trị của một triết học không ở nội dung của những khái niệm nhà triết học nêu lên, dù đây là triết học của A-ri-xtôt, của Hê-ghen hay của Khổng tử, bởi vì khi thời đại khác đi nội dung tất nhiên phải thay đổi : con người để đi cho nhanh thì phải có xe. Đó là điều không thay đổi. Còn đi xe ngựa, đi thuyền, đi tàu hỏa, máy bay, hay đi tên lửa vũ trụ, mỗi thời một khác. Chính Khổng tử cũng chủ trương như thế khi nêu lên chữ "*Thời*" tức là mọi hành động đều phải thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của nó : "*Vô khá, vô bất khá*" (Không có cái gì bao giờ cũng phải làm, không có cái gì không bao giờ được làm).

Triết học của Khổng tử là con đẻ của thời đại phong kiến phân quyền ở Trung Quốc. Vào thời của ông, Trung Hoa còn chia ra hàng trăm nước. Mỗi nước đều bé nhỏ, chỉ bằng vài tỉnh của Việt Nam. Quan hệ giữa người cầm đầu với dân chúng là trực tiếp, chưa ra đời một bộ máy quan lại đông đúc. Các nước chẳng qua là phần đất thiên tử nhà Chu cấp cho họ hàng hay những người có công, không hề có lịch sử hình thành,

phong tục riêng, văn hóa riêng. Cho nên Đạo Khổng không có khái niệm Tổ quốc, và Khổng tử cũng như các nhà tư tưởng thời Xuân Thu- Chiến Quốc chu du hết nước này sang nước khác, ai dùng thì theo mà không cảm thấy một sai sót nào về đạo đức.

Dưới một chế độ phong kiến phân quyền như vậy, quyền lực của thiên tử cũng như của các vua chư hầu bị hạn chế. Không phải quyền lực hay võ lực đóng vai trò chủ đạo mà quan hệ giữa cái xã hội tôn ty luân này bị quy định hoàn toàn do "lễ". Lễ quy định việc cống nạp, tế tự, ngay cả quần áo, xe cộ, số người tham dự điệu vũ. Chu Công, người xây dựng cơ sở cho triều đại và là một chính trị gia lỗi lạc nhất của mọi thời đại, đứng trước một sự lựa chọn : hoặc là một triều đại rất mạnh, quyền lực tuyệt đối, dựa trên bạo lực ; hoặc là một triều đại bên ngoài có vẻ yếu, lỏng lẻo dựa trên lễ. Mục tiêu Chu Công muốn đạt được là làm sao cho triều đại tồn tại lâu dài. Nếu xây dựng một triều đại chuyên chế thì thế nào cũng bị bọn quan lại nịnh hót thao túng và chỉ cần ông hoàng đế ngu dại là triều đại sụp đổ. Mà con người làm hoàng đế chẳng qua do quan hệ huyết thống, vậy làm sao tránh khỏi một hoàng đế hôn ám sẽ làm triều đại sụp đổ trong tay bọn gian thần ?

Cho nên Chu Công chủ trương xây dựng một nhà Chu không mạnh, thiên hạ bị chia ra vài trăm nước, độc lập với nhau, lấy "Lễ" làm nền tảng. Nếu một nước làm loạn thì lập tức các chư hầu đem quân đến cứu để

phục hồi vương thất. Ngược lại, khi một nước chư hầu có loạn, thiên tử sẽ sai một vài nước chư hầu "*điều dân, phạt tội*" để phục hồi lại cái nước bị mất, dòng họ vua suýt bị diệt. Kết quả Nhà Chu chỉ dựa trên Lễ mà tồn tại từ -1100 đến -256, tức là 844 năm, triều đại dài nhất trong lịch sử Trung Hoa. Đó là cơ sở của lý luận của Khổng tử "*Khi thiên hạ có đạo thì lễ nhạc, chính phạt là do thiên tử ban hành*". Đó là bằng chứng cho thấy một đường lối chính trị mềm dẻo dựa trên văn hóa có tác dụng hơn đường lối chính trị cứng rắn như thế nào.

Từ khi Khổng tử còn sống (-555 đến -479) cho đến năm -140 học thuyết của ông chẳng qua chỉ là một chi nhánh trong nhiều trường phái khác, lại càng không phải là học thuyết chủ đạo. Đó là giai đoạn "*Trăm nhà đua tiếng*". Mạnh tử (-372 đến -289) than phiền rằng thiên hạ nếu không theo thuyết vị ngã của Dương Chu thì theo thuyết kiêm ái của Mặc Dịch. Tuân tử (-298 đến -238) nhận xét rằng sau khi Khổng tử mất đạo Nho chia ra làm 8 chi nhánh, không ai theo ai. Sau khi nước Tần đã thống nhất thiên hạ vào năm -221, nhà Tần lấy Pháp gia làm học thuyết chính và Tần Thủy Hoàng căm ghét các nhà Nho lấy chuyện xưa khuyên Hoàng để thay đổi chính sách của mình đã ra lệnh đốt các sách Nho giáo dùng để dạy và giết các nhà Nho. Khi Lưu Bang, tức Hán Cao Tổ dựng lên nhà Hán vào năm -205 thì ông ta cũng căm ghét các nhà Nho không kém Tần Thủy Hoàng, thậm chí gặp nhà Nho thì giật lấy mũ mà

đái vào trong. Thế nhưng là người hiểu việc, ông ta biết có thể ngồi trên mình ngựa để lấy thiên hạ, nhưng muốn cai trị thiên hạ thì phải dựa vào một sức mạnh tinh thần để làm cơ sở đoàn kết nhân dân, tạo chỗ dựa cho việc cai trị.

Điều Hán Cao Tổ đã làm chứng minh không thể chối cãi tầm quan trọng của văn hóa đối với vận mệnh một nước, một đế chế. Trước giai đoạn tư bản chủ nghĩa là giai đoạn có thể lấy cái lợi về kinh tế thống nhất đất nước và đế chế, nước nào, đế chế nào muốn thành lập vững chắc cũng đều phải dựa trên cơ sở thống nhất về tinh thần thậm chí phải tạo ra cơ sở ấy, hay mượn cái cơ sở ấy mà phát huy sức mạnh chính trị.

Có hai người anh hùng bậc nhất thế giới cổ đại đã không nắm được nguyên lý này nên đế chế sụp đổ nhanh chóng. Người thứ nhất là A-lêch-xăng đại đế (-356 đến -332), tuy đã mở rộng đế chế từ Hy-Lạp đến biên giới Ấn Độ nhưng nền văn hóa mà ông phổ biến lại yếu về tính tôn giáo nên chỉ sau khi ông chết đế chế tan rã. Người thứ hai là Tần Thủy Hoàng tuy đã thống nhất được Trung Quốc, nhưng lại dựa vào bộ máy quan liêu theo Pháp gia không có một cơ sở đạo lý, tinh thần nào hết cho nên chỉ tồn tại được 16 năm. Đế chế Mông Cổ sau này, tuy làm chủ Trung Quốc vào năm 1279 hủy bỏ chế độ khoa cử, chống Nho giáo, nhưng năm 1315 vẫn phải phục hồi Nho giáo và việc thi cử vì không thể nào cai trị Trung Hoa bằng cách khác được. Ta hiểu tại

sao Vua Asoka ở Ấn Độ, các vương quốc ở ĐNA lục địa sau khi hình thành lập tức lấy Phật giáo làm quốc giáo, tại sao các vua Châu Âu, Phi Châu đều hoặc lấy Thiên chúa giáo, hoặc lấy Hồi giáo làm chỗ dựa để phát huy sức mạnh của mình.

Lưu Bang đã khôn khéo chọn Khổng giáo, do chỗ Khổng giáo duy lý hóa ở cái tâm thức có sẵn của nhân dân. Đặc điểm của Nho giáo là ở điểm tuy không phải là một tôn giáo, nhưng nó quy định mọi cách ứng xử của con người theo một khuôn mẫu có lợi cho sự thống trị của nhà vua. Các tôn giáo ràng buộc con người chỉ bằng một vài sợi dây, nhưng rất bền và rất chặt. Còn Nho giáo đưa ra cái lễ, ràng buộc con người bằng một vạn sợi dây, nhưng dây nào cũng lỏng, con người có cảm tưởng tự do, thoải mái, kỳ thực phạm vi tự do hết sức hạn hẹp và kết quả cũng bị tê liệt. Những người theo Nho giáo được dùng, sách Nho giáo được sưu tầm và giảng dạy. Nhưng phải đến năm -140, Hán Vũ Đế mới nghe lời Đông Trọng Thư bãi truất trăm nhà, độc tôn Nho học. Như vậy Nho học phải đợi trên ba trăm năm sau khi Khổng tử chết mới có thể trở thành trào lưu tư tưởng chủ đạo của Trung Quốc và từ đó cho đến năm 1949, khi Nước Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, tức là trên hai ngàn năm văn hóa Trung Hoa về cơ bản là một văn hoá Nho giáo.

Hán Vũ Đế (-140 đến -87) là người đã cấp cho Nho giáo cái diện mạo ngày nay. Ông này thừa hưởng một



đất nước giàu có, yên ổn nhưng lại muốn noi gương Tần Thủy Hoàng, mở rộng đất đai, tu tiên, sống xa hoa, chuyên chế. Ông ta là A-lêch-xăng đại đế của Trung Hoa. Dưới thời ông, năm -111 quân đội Trung Quốc đánh chiếm Việt Nam mở đầu thời kỳ Bắc thuộc trên một ngàn năm. Chỉ 3 năm sau quân đội ông đánh chiếm Triều Tiên mở đầu bốn trăm năm Bắc thuộc. Ông đem quân đánh chiếm đất đai Mông Cổ, mở rộng đế chế sang phía Tây. Kết quả là đất nước kiệt quệ, nhân dân nhao nhác, suýt nữa nhà Hán sụp đổ theo vết xe nhà Tần. Ta chỉ cần đọc thiên "*Bình chuẩn thư*" trong bộ "*Sứ ký*" của Tư-mã Thiên là thấy. Nhà Hán còn tồn tại được chính là nhờ Nho giáo, mà người góp phần quan trọng nhất là Đổng Trọng Thư (-179 đến -104). Tư-mã Thiên là người ghét Hán Nho, nhưng khi dịch bộ "*Sứ ký*" của ông, tôi không dám dịch thiên "*Nho lâm liệt truyện*" vì sợ không in được.

Cái gọi là Hán Nho, tức là đạo Nho mà chúng ta học chỉ có hình thức Khổng học thôi. Nếu xét theo quan điểm văn học, có thể gọi Khổng học là đạo Nho thời phong kiến (chữ phong kiến này là dùng theo nghĩa Trung Hoa) phân quyền, còn Hán Nho là đạo Nho của thời quân chủ chuyên chế tuyệt đối và cực thịnh. Phạm vi bài này không cho phép nói nhiều. Tôi chỉ thu hẹp vào vài nét khu biệt của Hán Nho so với Khổng học.

(1) Việc Pháp gia hóa Khổng học biểu hiện trước hết ở điểm gạt bỏ mọi tính chất qua lại giữa người trên

và người dưới, chỉ chấp nhận thái độ phục tùng như nô lệ của người dưới đối với người trên.

Đồng Trọng Thư sáng tạo ra thuyết "*Tam cương*" một điều không thể có trong óc Khổng tử. Tôi chỉ dịch một đoạn bênh vực thuyết tam cương của ông, trong "*Xuân thu phồn lộ*" để thấy kiểu lập luận lấy vũ trụ gò con người theo, lấy âm dương làm nền tảng, kiểu lập luận còn phổ biến cho đến nay ở một số bạn Tây học của tôi, là bắt nguồn từ cụ Đồng này. Tôi cũng xin các bạn lưu ý cho là Khổng tử không bao giờ nói đến âm dương, ngũ hành hết, ông chỉ xét con người trong các quan hệ giữa người với người mà thôi, tức là còn Tây Phương hơn đa số chúng ta :

- "*Nói chung, sự vật thế nào cũng có hòa hợp. Đã có hòa hợp thì ắt phải có trên, ắt phải có dưới, ắt phải có bên trái, ắt phải có bên phải, ắt phải có trước, ắt phải có sau, ắt phải có trong, ắt phải có ngoài, ắt phải có đẹp, ắt phải có xấu, ắt phải có thuận, ắt phải có nghịch, ắt phải có mừng, ắt phải có giận, ắt phải có lạnh, ắt phải có nóng, ắt phải có ngày, ắt phải có đêm. Đó điều là sự hòa hợp của nó cả. Âm là cái hợp của Dương, Vợ là cái hợp của Chồng, Cha là cái hợp của Con. Bầy tôi là cái hợp của Vua. Mọi vật đều có cái hợp với nó, mà mọi cái hợp đều có Âm và Dương*".

Rõ ràng đây là một lý luận siêu hình, tuyệt đối hóa từng khái niệm, trái ngược với Khổng tử.

*"Cái nghĩa vua tôi, cha con, vợ chồng đều lấy ở cái*

*đạo âm dương. Vua là dương, tôi là âm ; cha là dương, con là âm ; chồng là dương ; vợ là âm".*

Tức là tình trạng bất bình đẳng là tiên nhiên, không cách nào vượt qua được. Về thực chất, nó chẳng khác gì một sự phân chia đẳng cấp trong Đạo Bà La Môn trong đó bốn đẳng cấp đều sinh ra từ bốn bộ phận của vi thần tối cao do đó đẳng cấp nào cũng phải vĩnh viễn chấp nhận địa vị của mình. Bằng cách này Nho giáo trở thành giáo điều chẳng khác một tôn giáo.

*"Sự quy định của Nhân, nghĩa, chế độ đều xuất phát ở Trời. Trời là vua để che chở ; Đất là Tôi để nâng đỡ ; Dương là chồng để sinh ra ; Âm là vợ để giúp đỡ. Mùa xuân là cha để sinh ; mùa hạ là con để nuôi ; mùa thu là cái chết để đưa vào áo quan ; mùa đông là sự đau xót để chôn cất".*

Đúng đây là "Cửa hàng của Bác Hai Đống" (không phải của Bác Hai Khổng). Một Nho giáo đã được Pháp gia hóa như vậy là có sức mạnh thu hút người ta hơn Pháp gia chỉ dựa trên bạo lực vì nó căn cứ vào một nguyên biện "Lấy quan hệ giữa trời đất làm mô hình giải thích các quan hệ giữa người với người". Dĩ nhiên, loại Nho giáo này phải được Hán Vũ Đế đề cao. Một khi các khái niệm Khổng tử xác lập đều trở thành chết cứng, hóa đá, cái Đạo Nho ấy sẽ trở thành công cụ cho bọn quan liêu đàn áp nhân dân.

Thế rồi ra đời những quyển "Hiếu Kinh", "Trung Kinh" mạo nhận là của Khổng tử. Nhưng làm sao

Không tử có thể chấp nhận một chữ Hiếu, một chữ Trung quái gỡ thế này tuy nó đã được hàng vạn lần ca ngợi : Ông vua bảo bầy tôi chết mà bầy tôi không chết, là bầy tôi bất trung. Ông cha bảo người con chết mà người con không chết là người con bất hiếu. Rồi còn thuyết "Tam Tông" trói buộc người phụ nữ suốt đời chỉ theo : theo cha, theo chồng, theo con.

Nhưng nếu ta chỉ căn cứ vào lý luận mà xét thì không thể cắt nghĩa được tại sao Nho giáo này lại tồn tại lâu dài đến thế. Một lý luận trái ngược với lẽ phải như Hán nho mà tồn tại được là phải có lý do trong thực tế. Cái lý do của một sự tồn tại hàng nghìn năm như thế phải tìm ở trong cái bất biến trong nhu cầu con người. Người nào cũng thích có chút quyền lực dù chỉ trong một phạm vi nhỏ hẹp. Thuyết "Tam cương" chia quyền lực ra. Trong Tam cương thì hai cương đã liên quan tới gia đình và cả ba khẳng định ưu thế của nam giới. Ông vua là vua cả nước, ông cha là vua trong nhà, ông chồng là vua với vợ. Còn nữ giới phải chờ đợi đến khi làm mẹ chồng mới có quyền với nàng dâu. Mặt khác, chính sự ổn định của gia đình Trung Hoa là nền tảng cho sự ổn định văn hóa Trung Hoa và xã hội Trung Hoa. Trong quyển "Trung Hoa, một quyển lịch sử mới" (China, a new History), John King Fairbank đã nhận xét rằng người Mỹ và người châu Âu đều rất ngạc nhiên sao người nông dân Trung Hoa nghèo khổ như vậy lại có một nền văn hóa cao, tình hình rất khác ở châu Âu và châu Mỹ. Và ông nói :

*"Câu trả lời là ở các thể chế xã hội của họ là cái đã giúp các cá nhân và các gia đình qua được các thăng trầm của cuộc đời tuân theo những khuôn mẫu thể chế và hành vi thuộc loại cố nhất và vững bền nhất trên thế giới. Trung Hoa đã từng là một thành lũy của chế độ gia đình và cả sức mạnh và sức ì của nó đều bắt nguồn từ đây".*

Gia đình Việt Nam tuy khác gia đình Trung Hoa, nhưng cũng là nền tảng của văn hóa Việt Nam thuộc loại cố nhất và vững bền nhất thế giới. Chuyện "*Tam cương*", "*Tam Tông*" là chuyện của Nho giáo Trung Hoa nhưng cũng chính sự ổn định của gia đình giúp cho người Việt Nam duy trì một văn hóa tốt đẹp ngay trong nghèo khổ. Động đến nó phải tính toán chu đáo. Con đường "*Xây dựng gia đình văn hóa mới*" là thích hợp, và phù hợp với thực tế Việt Nam.

(2) Hán Nho mà mở đầu là Đổng Trọng Thư đưa thuyết Âm Dương, Ngũ Hành vào đạo Nho, rồi dùng thuyết này để chứng minh giữa con người với trời đất có quan hệ qua lại, các tai biến và các điềm lành là liên quan tới chính trị. Đây là một xuyên tạc lộ liễu học thuyết của Khổng tử. Khổng tử không bao giờ nói đến Âm Dương, Ngũ Hành, Bói toán, chuyện giữa trời và người có quan hệ qua lại. Ông đã đoạn tuyệt với truyền thống sùng bái quỷ thần, tin vào bói toán. Ông không thể là nhà vô thần, một người duy vật, nhưng thái độ của ông đối với thế giới siêu nhiên là bất khả tri và ông

là nhà bất khả tri đầu tiên trong triết học. Ông tôn trọng tế lễ vì tác dụng của nó đối với việc duy trì tôn ty.

*"Tử Lộ hỏi (Khổng Tử) về thờ quỷ thần. Khổng tử đáp :*

*- Chưa biết thờ người, làm sao thờ quỷ thần được ?*

*Tử Lộ hỏi về cái chết, Khổng tử đáp*

*- Chưa biết sự sống, làm sao biết cái chết ?*

(Chương XI, Tiên tiến)

*"Khổng tử đau nặng, Tử Lộ xin cầu thần linh. Khổng tử nói :*

*- Có nên không ?*

*- Nên ạ. Lời cầu là xin các thần linh trên trời dưới đất.*

*Khổng tử nói :*

*- Khâu này cầu đã lâu rồi (Chương VII. Thuật nhị)*

Có một lần phải thề, ông đã làm trái lời thề và nói quỷ thần không nghe những lời thề vì bị bắt buộc. Lúc dạy ông không nói đến bốn chuyện : *"chuyện quái dị, việc gây loạn, việc dùng bạo lực và thần linh"*. Hán Nho mượn *"Kinh Xuân Thu"* để đưa thuyết âm dương, ngũ hành, sấm ký vào. Quyển này vốn là quyển dựa vào lịch sử nước Lỗ, trong đó ghi lại nhiều điều quái lạ, các tai biến thiên nhiên và những chuyện cướp ngôi, tội giết vua. Người viết đóng vai một thiên tử nhà Chu ghi lại để đánh giá. Quyển này chắc chắn không phải là

của Khổng tử, vì Khổng tử chủ trương "không ó đúng địa vị thì không bàn chính sự của địa vị này".

Mặc dầu thế, từ đời Hán trở đi "Kinh Xuân thu" được đưa vào, và với chuyện này, Nho giáo chuyển thành học thuyết lấy bói toán làm nền tảng.

Lại có chuyện nói Khổng tử viết phần "Thập lục", tức là phần triết học trong "Kinh Dịch". Điều này không có căn cứ. Trong "Luận ngữ" chỉ có một câu nhắc đến "Kinh Dịch" :

*"Tử viết : Gia ngã số niên, ngũ thập dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hĩ"* (Chương VII, Thật Nhi).

Câu này được giải thích khác nhau. Theo Chu Hy thì nghĩa nó là : "Cho ta thêm vài năm để ta có thể học "Kinh Dịch" vào năm 50 tuổi và sẽ không có lỗi lầm lớn". Nhưng theo Thanh Nho thì chữ "Dịch" đây chính là chữ "Diệc" và nghĩa của câu sẽ là : "Cho ta thêm vài năm nữa để ta có thể học vào năm 50 tuổi cũng sẽ khỏi có lỗi lầm lớn". Vậy Kinh Dịch không liên quan tới Khổng học.

(3) Khổng tử chống lại việc học chỉ biết có chữ nghĩa văn chương. Ông yêu cầu các học trò phải lấy tu thân làm gốc. Từ năm -140 nhà Hán mở khoa thi từ đó cái học chỉ là cái học thi cử. Nhiều người chỉ nhờ thạo một kinh mà trở thành tể tướng. Đây là lối học giáo điều chỉ cốt thuộc sách. Nhưng điều này lại rất cần cho

nhà Hán để nhanh chóng có được một đội ngũ quan liêu đông đảo phục vụ nhà vua.

Tóm lại, với Hán Nho, sự khúc xạ đầu tiên đã diễn ra và Nho giáo trở thành công cụ của nền quân chủ chuyên chế. Sự khúc xạ còn diễn ra nhiều lần nữa, đời Đường, đời Tống, đời Minh, đời Thanh nhưng bàn đến sợ đi xa đề. Chỉ cần biết rằng suốt các triều đại Nho giáo đều gắn liền với chế độ khoa cử lấy các sách kinh điển của Nho giáo làm cơ sở. Điều thống nhất là người ta yêu cầu thuộc lòng và trình bày cho văn vẻ, đúng quy tắc.

Những sự khác nhau có thể tóm tắt như sau :

Nho học đời Hán thiên về Kinh học, lấy việc giải thích nghĩa từng chữ, từng câu trong các Kinh, tạo nên cái học Huấn hủ. Nó thiên về nghĩa từ từ và về khảo chứng ;

Đường Nho chuyển cái học về phía từ phú, văn chương. Như vậy nếu như Hán Nho biến Khổng học thành công cụ của chế độ chuyên chế, thì Đường Nho biến các nhà Nho thành văn sĩ.

Tống Nho tìm cách xây dựng lại một Nho học có lý luận, bằng cách tiếp thu phương pháp trình bày của Phật giáo, nội dung siêu hình học của Đạo giáo. Ưu điểm của Tống Nho là nó tạo nên được một hệ thống triết học mới thống nhất được các kinh. Nhưng sự thống nhất này lại gắn với tư tưởng Trung Quốc trước



Khổng tử hơn là gắn với tư tưởng của Khổng tử. Nó đưa ra một loại khái niệm mới là lý, khí, tâm, tính, cái thì lấy ở Đạo giáo (lý, khí), cái thì lấy ở Phật giáo (tâm, tính) để bổ sung cho sự thiếu sót của Khổng học về siêu hình học và tâm lý học. Kết quả của bước tổng hợp mới này, mà Chu Hy là người tập đại thành, là xây dựng nên một hệ thống tư tưởng có khả năng tồn tại bên cạnh Đạo giáo và Phật giáo và còn tồn tại cho đến nay.

Nhưng Tống Nho mà người ta còn gọi là lý học, tuy lo thuyết minh cái lý của từng câu, từng chữ, nhưng chủ yếu là lặp lại các cách giải thích của các học giả đời Tống. Cái mà cha ông ta gọi là Nho giáo thực chất chính là Tống Nho mà Tống Nho còn giáo điều hơn Hán Nho, Đường Nho. Cái tệ của Tống Nho đã được phong trào tân thư nói nhiều. Nó tạo nên một tầng lớp nhà Nho bảo thủ, thủ cựu, tự mãn, chống lại mọi đổi mới về chính trị và kinh tế, cho nên ba nước sùng bái Tống Nho là Trung Hoa, Việt Nam, Triều Tiên đều chịu một số phận gần như nhau trước sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

### **III. CÁC NHƯỢC ĐIỂM CỦA KHỔNG HỌC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN ĐẠI.**

Khổng học chỉ là một hệ tư tưởng của nền văn minh nông nghiệp ở mức độ thấp, lo bảo vệ một chế độ nông nghiệp tự túc, duy trì một xã hội ngưng trệ và lấy việc củng cố sự ngưng trệ làm thành lý tưởng của nó.

(1) Cái Lễ nó đề xướng là để phục vụ một chế độ

tôn ty luận thời cổ đối lập với chế độ dân chủ ngày nay. Nó lo bảo vệ một tôn ty đã được xác lập xong. Nó là học thuyết để khẳng định đặc quyền của tầng lớp cai trị so với nhân dân lao động, đặc quyền của người quân tử so với thợ thủ công, dân cày và thương nhân. Trái lại, xã hội hiện đại là xã hội mọi người đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ : người dân là chủ của đất nước, và chính quyền cai trị phải là của dân, do dân và vì dân. Tuy Khổng học có nói đến thời Nghiêu, Thuấn thời ông vua làm vua không phải do cha truyền con nối, nhưng nó trước sau vẫn không thoát khỏi mô hình quân chủ. Nó chỉ có thể nói đến ông vua sáng suốt, có nghĩ đến dân, nhưng không thể hình dung một chế độ dân chủ, do dân quyết định. Học thuyết của nó hãy còn quá ưu tú luận (elitist), không thể có tính chất hiện đại.

(2) Học thuyết ấy lấy quá khứ xa xôi làm mục tiêu để phấn đấu, trong khi thời đại hiện đại hướng tới tương lai, tới tiến bộ không ngừng.

Các nhà Nho hay lấy hai chữ "*Duy tân*" trong "*Đại học*" để giải thích rằng Khổng tử chủ trương đổi mới. Nhưng đọc toàn bộ "*Luân ngữ*" không bao giờ thấy Khổng tử tin vào thế hệ mới mà chỉ thấy ông lo thế hệ này sẽ phá vỡ mất cái đẹp từ xưa để lại. Ông nói "*Người đời sau đáng sợ*" chứ không bao giờ nói người đời sau đáng tin. Nói chung, mọi nhà tư tưởng trước thế kỷ XVIII cũng đều đặt xã hội lý tưởng vào quá khứ. Chỉ đến thế kỷ thứ XVIII trước sự xuất hiện của nền tái

sản xuất mở rộng, các nhà tư tưởng mới nói đến tiến bộ không ngừng, nhưng ngay trong giai đoạn này, Rut-xô, một nhà tư tưởng lỗi lạc đương thời vẫn còn chủ trương xã hội (hiện đại) làm hư hỏng con người, và con người phải quay trở về thời đại xưa. "Tân" trong "Duy tân" có nghĩa là "cái đầu tiên" không có nghĩa là "mới", điều mà thấy trong "tân nguyệt" là "trăng non", "Tân niên" là "đầu năm", "tân nương" chỉ cô gái "nguyên xi". "Đại học" có ba câu thí dụ để giải thích khái niệm này đều phải được cắt nghĩa lại :

- *Thang chi bàn minh viết : Cấu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân.* Đây là chỉ những chữ khắc trên cái chậu tắm của vua Thang. Một chậu tắm là để tắm, nó không thể nào đổi mới được bộ mặt con người mà chỉ có thể làm cho bộ mặt này trở lại hình thức ban đầu của nó : "Nếu như ngày một như lúc ban đầu thì ngày ngày phải như lúc ban đầu, và ngày nào cũng thế".

- *"Khang cáo viết : Tác tân dân"* Nghĩa là : Thiên Khang cáo (trong "Kinh thư") nói : "Làm cho dân trở lại cái gốc đầu tiên".

- *"Thi viết : Chu tuy cựu bang, kỳ mệnh duy tân"* nghĩa là : Nhà Chu tuy là cái nước cũ, nhưng cái mệnh trời của nó vẫn như lúc đầu tiên" (bởi vì làm sao có thể đổi mới mệnh trời được ?)

Chữ "Duy tân" được giải thích là "đổi mới" như vậy là không đúng. Mặc dầu thế, do nhu cầu đổi mới có thực trong lòng mọi người, cho nên từ khi tiếp xúc với

châu Âu, các học giả cách mạng vẫn hiểu đó là "đổi mới" vì chính nhu cầu đổi mới có thực trong lòng họ, cho nên họ có một nghĩa mới mà Khổng tử không thể nghĩ đến.

Một khi Khổng học chỉ lo tìm hạnh phúc trong quá khứ thì cách nào nó có thể trở thành học thuyết giúp nhân dân đổi mới thân phận của họ, theo kịp thế giới và tiến bộ khoa học?

(3) Học thuyết ấy cản trở sự phát triển của cá nhân. Một cá nhân trong một xã hội theo Khổng giáo bị trói buộc bởi một vụn sợi dây nhắc đến trách nhiệm của anh ta với gia đình, họ hàng, làng xóm, bạn bè... Anh ta suốt đời mắc cứng vào mọi cách ứng xử, không có điều kiện để trở thành con người góp phần thay đổi cuộc sống của mình và của mọi người, trau dồi khoa học kỹ thuật, thay đổi thế giới. Mặt khác, nó cũng tạo nên ở anh ta tính ỷ lại, chờ đợi, nhờ cậy ở những người khác không có tinh thần mạnh dạn dám nghĩ, dám làm. Một xã hội muốn phát triển, trước hết phải có những cá nhân dám sống và làm những điều trước đó không ai làm, dám có những suy nghĩ táo bạo khác hẳn truyền thống, dám bênh vực cho những chủ kiến của mình và chính nhờ các chủ kiến ấy đem lại những kết quả cao hơn các kiến giải trước nên đã kéo theo những phong trào, thay đổi dư luận và làm xã hội tiến lên.

Cho nên nếu như giáo dục Phương Tây trước hết lo tạo nên những con người tự lập và độc lập suy nghĩ, thì